

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày: 28 - 3 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Xuân Đàm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Cườm và bà Hồ Thị Phụng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Như Thuận - Thư ký Toà án nhân dân huyện P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Trần Bá Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Huỳnh A, sinh năm: 1976 tại Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký NKTT và nơi ở: Đường X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: B, sinh năm: 1946 và bà: C, sinh năm: 1952; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Hoàn cảnh gia đình: Có vợ là chị H, sinh năm: 1982 và có 03 con, lớn nhất 13 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Lê K, sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn M, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Thôn M xã N, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3. Anh Văn Công M, sinh năm: 1956; Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

4. Đặng V, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

5. Anh Ngô Đ, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

6. Chị Nguyễn M, sinh năm: 1994; địa chỉ: Thôn T, thị trấn R, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1959; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

9. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn T, thị trấn R, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

10. Anh Nguyễn T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

11. Anh Trần B, sinh năm: 1982; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

12. Chị Trương Thị L, sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn T, thị trấn R, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

13. Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Quốc D; địa chỉ: Thôn T, thị trấn R, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- Người làm chứng và có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đinh H, Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

2. Ông Hồ M; Địa chỉ: Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. Bà Nguyễn T, Kế toán trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

4. Bà Đồng T, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H (Nguyên kế toán trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh TT Huế), vắng mặt.

5. Ông Bùi Q; Địa chỉ: Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

6. Ông Biện Q; Địa chỉ: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

7. Ông Phan S; Địa chỉ: Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

8. Ông Hồ Đ, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

9. Bà Nguyễn G, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

10. Bà Võ P, sinh ngày: 1982; Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

11. Anh Đặng V, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn T, thị trấn R, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

12. Ông Ngô N, sinh năm: 1948; Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

13. Bà Phạm C, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn R, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

14. Ông Nguyễn V, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

15. Anh Nguyễn K, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh A là Chấp hành viên sơ cấp công tác tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh TT Huế được Chi cục trưởng thi hành án dân sự huyện P lần lượt là các ông Hồ M và Đinh H phân công tổ chức thi hành án từ tháng 12/2011 đến ngày 28/02/2017 tại các địa bàn: Thị R, xã M, xã N, xã C, xã L và xã H huyện P, tỉnh Thừa thiên Huế.

Theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực Thi hành án dân sự thì Chấp hành viên có quyền triệu tập người phải thi hành án đến trụ sở cơ quan để thi hành án hoặc trực tiếp xác minh điều kiện thi hành án tại địa phương và thu số tiền phải thi hành theo quyết định thi hành án. Chấp hành viên được cấp, quản lý và sử dụng biên lai để thu tiền. Khi thu tiền, Chấp hành viên phải viết biên lai trước mặt người nộp tiền, đương sự. Khi viết phải đặt giấy than lót dưới các liên để khi viết liên đầu tiên thì sẽ in sang 03 liên còn lại phía sau có nội dung như nhau, trong đó 01 để lưu cuống, 01 liên giao cho đương sự, 01 liên lưu kế toán và 01 liên lưu tại hồ sơ thi hành án. Sau khi thu tiền thì phải nộp ngay vào quỹ cơ quan THADS. Nếu thu tiền ở ngoài trụ sở cơ quan thì sau khi về đến trụ sở phải nộp ngay vào quỹ cơ quan và báo cáo với Kế toán trưởng để kết thúc, nộp lưu hồ sơ.

Nhưng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Huỳnh A đã không thực hiện đúng quy trình, thủ tục khi thu tiền của người nộp tiền theo quy định của pháp luật nhằm chiếm đoạt tiền của đương sự để sử dụng vào mục đích cá nhân bằng cách:

Khi viết biên lai, A không đặt giấy than lót dưới liên giao cho người nộp tiền, đương sự nên liên này bị để trống và không giao cho người nộp tiền, đương sự. Sau đó bị cáo sử dụng liên này để thu tiền của đương sự trong vụ việc khác và chiếm đoạt số tiền đó hoặc ngược lại. Khi có ý định chiếm đoạt tiền của đương sự thì A chỉ ghi nội dung vào 01 liên giao cho đương sự rồi chiếm đoạt tiền, để trống 03 liên còn lại sau này sẽ hợp thức hóa thu của vụ việc khác; Khi thu tiền của đương sự, A chỉ viết giấy tạm thu, biên bản giải quyết thi hành án, biên bản xác minh điều kiện thi hành án mà không đưa biên lai thu tiền cho đương sự hoặc thu tiền nhưng không đưa giấy tờ gì

cho đương sự mà hện sẽ đưa biên lai sau. Trong khi đó, A báo cáo với lãnh đạo cơ quan là những vụ việc trên chưa có điều kiện thi hành nên không bị phát hiện trong thời gian dài.

Bằng các thủ đoạn trên, Huỳnh A đã thu tiền của 13 người nộp tiền thi hành án trong 13 vụ việc thi hành án nhưng không nộp vào quỹ cơ quan và chiếm đoạt để sử dụng cá nhân với tổng số tiền là 72.470.000.đ, cụ thể như sau:

1. Theo Quyết định thi hành án (THA) số 89/QĐ-CCTHA ngày 18/02/2016 của Chi cục THADS huyện P thì ông Lê K trú tại thôn M, xã N, huyện P phải thi hành các khoản là: án phí 200.000.đ, tiền phạt 15.000.000.đ, tổng cộng 15.200.000.đ. Huỳnh A đã thu của bà Võ P (vợ ông K) nộp số tiền là 13.700.000.đ nhưng A chỉ nộp vào quỹ cơ quan 4.200.000.đ và chiếm đoạt số tiền còn lại là 9.500.000.đ.

2. Theo Quyết định THA số 03/QĐ-CCTHA ngày 09/12/2011 của Chi cục THADS huyện P thì ông Nguyễn M trú tại thôn T, xã N, huyện P có nghĩa vụ thi hành khoản cấp dưỡng cho hai con là Nguyễn T (300.000.đ/tháng) và Nguyễn N (400.000đ/tháng). Theo ông M khai đã nộp khoản tiền cấp dưỡng lần cuối cùng là 2.000.000.đ cho A, có nhận biên lai nhưng hiện nay ông M đã làm mất. Tuy vậy, A vẫn thừa nhận ông M có nộp tiền cho A nhưng A không nộp vào quỹ cơ quan và đã chiếm đoạt 2.000.000.đ.

3. Theo Quyết định THA số 39/QĐ-CCTHA ngày 08/11/2016 của Chi cục THADS huyện P thì ông Văn C trú tại thôn M xã N, huyện P có nghĩa vụ thi hành các khoản: án phí 200.000.đ, tiền phạt 17.000.000đ, tổng cộng là 17.200.000.đ. A đã thu của ông C số tiền 9.200.000.đ nhưng chỉ nộp quỹ 200.000.đ tiền án phí và chiếm đoạt số tiền còn lại 9.000.000.đ.

4. Theo Quyết định THA số 40/QĐ-CCTHA ngày 08/11/2016 của Chi cục THADS huyện P thì ông Đặng V trú tại thôn M, xã N, huyện P có nghĩa vụ thi hành các khoản: án phí 200.000.đ, tiền phạt 7.000.000đ, tổng cộng 7.200.000.đ. Ông V đã nộp cho A toàn bộ số tiền trên nhưng A chỉ nộp quỹ 200.000.đ và chiếm đoạt số tiền còn lại 7.000.000.đ.

5. Theo Quyết định THA số 04/QĐ-CCTHA ngày 10/10/2016 của Chi cục THADS huyện P thì ông Ngô Q trú tại thôn M, xã N, huyện P có nghĩa vụ thi hành khoản cấp dưỡng nuôi con là cháu Ngô B 300.000.đ/tháng. A đã thu của ông Ngô Q (bổ ruột của Q nộp thay) số tiền 11.500.000.đ nhưng A chỉ nộp quỹ cơ quan 9.000.000.đ và chiếm đoạt số tiền còn lại 2.500.000.đ.

06. Theo Quyết định THA số 126/QĐ-CCTHA ngày 01/6/2015 của Chi cục THADS huyện P thì chị Nguyễn T trú tại thôn T, thị trấn R, huyện P có nghĩa vụ thi hành các khoản: án phí 200.000.đ, tiền phạt 5.000.000.đ, tổng cộng 5.200.000.đ. A đã thu của chị T số tiền 2.000.000.đ nhưng chỉ nộp quỹ 1.700.000.đ và chiếm đoạt số tiền còn lại 300.000.đ.

07. Theo Quyết định THA số 189/QĐ-CCTHA ngày 29/7/2015 của Chi cục THADS huyện P thì anh Nguyễn C trú tại thôn M, xã N, huyện P phải thi hành các

khoản: án phí 200.000.đ, tiền phạt 5.000.000.đ, tổng cộng 5.200.000.đ. A đã thu số tiền này nhưng không nộp vào quỹ cơ quan mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền này.

08. Theo Quyết định THA số 110/QĐ-CCTHA ngày 18/3/2016 của Chi cục THADS huyện P thì bà Nguyễn T trú tại thôn M, xã N, huyện P có nghĩa vụ thi hành các khoản: án phí 200.000.đ, tiền phạt 5.500.000.đ, tổng cộng 5.700.000.đ. A đã thu đủ số tiền này và còn thu thêm của bà Thuận T 620.000.đ tiền lãi. Toàn bộ số tiền 6.320.000.đ thu của bà T, A không nộp quỹ cơ quan mà chiếm đoạt hết.

09. Theo Quyết định THA số 123/QĐ-CCTHA ngày 01/6/2015 của Chi cục THADS huyện P thì bà Nguyễn V trú tại thôn T, thị trấn R, Huyện P có nghĩa vụ thi hành các khoản: án phí 200.000đ, tiền phạt 6.000.000.đ, tổng cộng 6.200.000.đ. A đã thu của bà V số tiền 5.200.000.đ và chỉ nộp quỹ 200.000.đ. A chiếm đoạt số tiền còn lại 5.000.000.đ.

10. Theo Quyết định THA số 157/QĐ-CCTHA ngày 14/6/2015 của Chi cục THADS huyện P thì anh Nguyễn T trú tại thôn C, xã N, huyện P có nghĩa vụ thi hành các khoản: án phí 200.000.đ, tiền phạt 3.000.000.đ, tổng cộng 3.200.000.đ. A thừa nhận đã thu xong 3.200.000.đ và có đưa biên lai cho T (A không nhớ dùng biên lai thu tiền của vụ việc nào) nhưng chỉ nộp quỹ 200.000.đ; A chiếm đoạt số tiền còn lại 3.000.000.đ.

11. Theo Quyết định THA số 35/QĐ-CCTHA ngày 12/3/2009 của Chi cục THADS huyện P thì ông Trần B trú tại thôn T, xã N, huyện P có nghĩa vụ thi hành các khoản: án phí 50.000.đ, tiền phạt 9.000.000.đ và tịch thu sung công 3.600.000.đ, tổng cộng 12.650.000.đ. Khoảng năm 2013, ông Trần B đã thi hành xong toàn bộ số tiền trên nhưng bị cáo chỉ nộp quỹ 9.500.000.đ còn lại chiếm đoạt 3.150.000.đ. Trong vụ việc này, ông B được bị cáo đưa biên lai thu tiền nhưng ông B đã làm mất; tuy nhiên bị cáo đã thừa nhận và cũng không nhớ đã dùng biên lai của vụ việc nào.

12. Theo Quyết định THA số 127/QĐ-CCTHA ngày 01/6/2015 của Chi cục THADS huyện Phong Điền thì chị Trương Thị Thanh Liễu trú tại thôn Khánh Mỹ, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền có nghĩa vụ thi hành các khoản: án phí 50.000.đ, tiền phạt 5.000.000.đ. Chị Liễu đã nộp cho Bình 1.200.000.đ nhưng Bình chỉ nộp quỹ 700.000.đ; Bình đã chiếm đoạt số tiền còn lại 500.000.đ. Trong vụ việc này, Chị Liễu thừa nhận đã được Bình đưa biên lai thu tiền nhưng đã làm mất. Tuy nhiên bị cáo Bình đã thừa nhận và cũng không nhớ đã dùng biên lai của vụ việc nào.

13. Theo Quyết định THA số 03/QĐ-CCTHA ngày 20/10/2014 của Chi cục THADS huyện P thì bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Quốc cùng trú tại thôn K, thị trấn R, huyện P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn H và ông Ngô T số tiền 250.000.000.đ. A đã thu của anh Nguyễn Trọng K (cháu ruột của bà H nộp thay) số tiền 22.000.000.đ nhưng A chỉ nộp quỹ để chi trả cho bà H số tiền 3.000.000.đ. A đã chiếm đoạt số tiền còn lại 19.000.000.đ. Tuy anh K có thừa nhận bị cáo Bình có đưa biên lai nhưng anh K đã làm mất, tuy nhiên bị cáo đã thừa nhận việc đã nhận tiền và cũng không nhớ đã dùng biên lai của vụ việc nào.

Trong quá trình điều tra, Huỳnh A đã thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình; Ngoài ra còn tự thú một số vụ việc khi chưa bị phát hiện. Đã khắc phục toàn bộ hậu quả và xin được pháp luật chiếu cố cho hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ bị khuyết tật nặng nên mới phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình công tác, A đạt được nhiều thành tích, có nhiều đóng góp cho đơn vị và được khen thưởng. Đến nay được Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế, Công Đoàn Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế và Chi cục THADS Thành phố H có văn bản đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã tạm giữ những biên lai thu tiền của các đương sự trong 13 vụ việc nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Huỳnh A để xét xử về tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 280 Bộ luật hình sự theo bản cáo trạng số 01/QĐ-KSĐT ngày 28/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P và đề nghị Áp dụng:

Điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 355; Điểm b, r, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Huỳnh A từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 đến 5 năm.

Phạt bổ sung: Cấm Huỳnh A đảm nhiệm chức vụ chấp hành viên thi hành án trong thời hạn từ 04 đến 05 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Huỳnh A nguyên là Chấp hành viên công tác tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P từ tháng 12/2011 đến ngày 11/8/2017. Trong thời gian công tác, A đã dùng thủ đoạn để tạo được lòng tin đối với người nộp tiền thi hành án nên khi thu tiền, A đã giao cho người nộp tiền những biên lai, giấy tờ không đúng quy định, không có giá trị về mặt pháp lý hoặc hứa hẹn sẽ giao biên lai sau nhưng người nộp tiền vẫn đồng ý. Với phương thức này, A đã thu tiền của 13 người phải thi hành án trong 13 vụ việc thi hành án với tổng số tiền là 72.470.000.đ rồi chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Hành vi thu tiền của người phải thi hành án của bị cáo A đã trái với quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật thi hành án dân sự; Khoản 1, 2 Thông tư số 91/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính; Khoản 1, 2 Điều 16 Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp và Điều 11 của “Quy trình in, phát hành, quản lý sử dụng Biên lai thu tiền thi hành án”.

Hành vi lạm dụng quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản của Huỳnh A được quy định tại khoản 1 và điểm c, đ khoản 2 Điều 280 Bộ luật hình sự 1999. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày

26/6/2017 về hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 355 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi năm 2017 thì bị cáo được hưởng nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Huỳnh A phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Xét tính chất và nguyên nhân dẫn đến phạm tội, hậu quả của tội phạm thấy rằng: Bị cáo nguyên là Chấp hành viên thi hành án, hơn ai hết bị cáo nhận thức được việc người phải thi hành án nộp tiền nhưng người thu tiền không xuất biên lai thu đúng quy định của pháp luật về thi hành án dân sự là trái pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Nhưng vì không chiến thắng được động cơ vụ lợi của bản thân, bị cáo đã lợi dụng quyền hạn trong thực thi công vụ để chiếm đoạt tài sản.

Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản mà còn làm ảnh hưởng đến lòng tin của công dân đối với công chức trong quá trình thực thi công vụ. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đủ để giáo dục đối với bị cáo đồng thời để cảnh cáo răn đe, ngăn ngừa đối với những người có chức vụ, quyền hạn đang hoặc sẽ lạm dụng quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản.

Hội đồng cũng xét thấy: Nguyên nhân dẫn bị cáo đến phạm tội có một phần do hoàn cảnh gia đình gặp lúc quá khó khăn như Bản kết luận điều tra đã nêu “con nhỏ, bị khuyết tật nặng nên mới phạm tội” do phải chạy chữa khắp nơi.

[3] Hội đồng cũng xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; Tự thú một số vụ việc khi chưa bị phát hiện; Đã khắc phục toàn bộ hậu quả; Trong công tác bị cáo có nhiều thành tích và đóng góp quan trọng cho đơn vị được khen thưởng; Cục THADS và Công Đoàn cục THADS tỉnh TT Huế, Chi cục THADS thành phố H có văn bản đề nghị xét giảm hình phạt để cho bị cáo một cơ hội tiếp tục học tập rèn luyện và phấn đấu trong môi trường công chức công vụ. Tại phiên tòa các bị hại đều đề nghị giảm hình phạt để cho bị cáo có cơ hội tiếp tục được làm việc. Như vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s, v và t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đã sửa đổi bổ sung 2017. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét cho bị cáo được hưởng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015.

[4] Quyết định hình phạt: Xét tính chất, động cơ và nguyên nhân dẫn đến phạm tội; Nhân thân và hoàn cảnh khó khăn của bị cáo phải nuôi 03 con còn nhỏ; Các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng; Hội đồng xét thấy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho Cơ quan nơi bị cáo công tác giám sát giáo dục cũng đảm bảo việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với ông Hồ M (nguyên Chi cục trưởng THADS huyện P) và ông Đinh H (Chi cục trưởng THADS huyện P) là người có liên quan trong công tác lãnh đạo quản lý, kiểm tra giám sát còn có những sơ hở, là nguyên nhân gián tiếp dẫn đến tội phạm.

Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế đã chủ động tiến hành thanh tra, kiểm tra quy trình hoạt động của Chi cục THADS huyện P, đã tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan và đã tiến hành chấn chỉnh khắc phục - phòng ngừa là đúng quy định của pháp luật.

Đối với một cán bộ Chấp hành viên, Thư ký, Thủ kho và Kế toán của Chi cục THADS huyện P có liên quan trong vụ án, do trong quá trình thực hiện trách nhiệm công vụ còn có những sơ hở thiếu sót, là nguyên nhân gián tiếp dẫn đến tội phạm nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự; Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế đã chủ động xử lý kỷ luật, phê bình kiểm điểm, chấn chỉnh khắc phục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét thấy không nhất thiết phải kiến nghị với Cơ quan Thi hành án chấn chỉnh khắc phục để phòng ngừa nữa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả trong giai đoạn điều tra, các bị hại và những người có quyền lợi liên quan không có ai có yêu cầu gì. Tại phiên tòa, các bị hại và người có quyền lợi liên quan có mặt cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng không xét. Đối với những người vắng mặt tại phiên tòa, nếu sau này có yêu cầu gì thì làm đơn yêu cầu và được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

[7] Đối với các hóa đơn chứng từ cơ quan điều tra đã tạm giữ của các đương sự trong 13 trường hợp phải thi hành án là tài liệu chứng cứ trong hồ sơ của vụ án; Nếu sau này, tổ chức cá nhân liên quan có yêu cầu thì được cơ quan đang quản lý hồ sơ vụ án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh A phạm tội Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng: - Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 26/6/2017;

- Điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 355; Điểm b, r, s, v, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 đã sửa đổi năm 2017;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí;

1. Xử phạt bị cáo Huỳnh A 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Huỳnh A cho Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi công tác thì Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Phạt cấm Huỳnh A đảm nhiệm chức vụ Chấp hành viên trong thời hạn 05 năm kể từ ngày tuyên án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng không xem xét. Đối với người vắng mặt, nếu sau này có yêu cầu gì thì được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Huỳnh A phải nộp 200.000.đ (hai trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt thì kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- THADS huyện P;
- Bị cáo, Các bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA, THAHS;
- Lưu Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Xuân Đàm